

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch chi tiết năm 2023 của Dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3252/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định;

Căn cứ Thư thỏa thuận số: LOA-2023-Bình Định DPI-47 ngày 06/10/2023 giữa Chương trình Phát triển Liên hợp quốc và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định;

Căn cứ Văn bản không phản đối ngày 09/10/2023 của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc về việc đồng thuận với Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch chi tiết năm 2023 của Dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 120/TTr-SKHĐT ngày 12/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch chi tiết năm 2023 của dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định, với các nội dung chủ yếu như sau:

I. Thông tin cơ bản về chương trình, dự án:

1. Tên dự án tiếng Việt: Dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định.

2. Tên dự án tiếng Anh: Korea - Viet Nam Peace Village Project in Binh Dinh Province.

3. Tên viết tắt: KVPVP Bình Định.

4. Cơ quan chủ quản: UBND tỉnh Bình Định.

5. Chủ đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định

6. Đơn vị thực hiện: Ban Quản lý dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định.

7. Nhà tài trợ: Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA) thông qua Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP).

8. Mục tiêu, quy mô:

8.1. Mục tiêu:

- Mục tiêu tổng quát: Tăng cường trao quyền cho các cộng đồng địa phương của tỉnh Bình Định để phát triển cộng đồng nông thôn hài hòa, an toàn, có khả năng thích ứng và thịnh vượng thông qua việc nâng cao tiếp cận đất đai đã được rà phá bom mìn, nâng cao năng lực và phát triển sinh kế.

- Mục tiêu cụ thể: Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của các cộng đồng địa phương đang sinh sống tại vùng Dự án và xung quanh đất đai mới được rà phá bom mìn. Tăng cường khả năng thích ứng của các cộng đồng địa phương, đặc biệt là nạn nhân bom mìn và vật liệu nổ, thiên tai và các rủi ro khác.

8.2. Quy mô: Quy mô của dự án gồm bốn (04) hợp phần:

a) Hợp phần 1: Cung cấp dịch vụ y tế toàn diện cho nạn nhân bom mìn sau tai nạn do vật liệu nổ

Dự án dành một phần nhỏ ngân sách để hỗ trợ trực tiếp cho những nạn nhân bom mìn và người khuyết tật trong các trường hợp cần thiết, có thể bao gồm hỗ trợ sinh kế, dạy nghề, việc làm cho nạn nhân bom mìn; khám sức khỏe, phục hồi chức năng và dụng cụ cho nạn nhân bom mìn, trong đó trọng tâm đặt vào các biện pháp sáng tạo đổi mới.

b) Hợp phần 2: Nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu cho người dân ở các khu vực mục tiêu

Hợp phần này có 04 tiểu hợp phần, dự án sẽ hỗ trợ đầu tư cho các hoạt động chính của các tiểu hợp phần như sau:

- ***Tiểu hợp phần 1: Hỗ trợ nông dân triển khai, mở rộng và thực hành canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu:*** (i) Hỗ trợ nông nghiệp thông minh từ việc xây dựng 06 hệ thống pin sử dụng năng lượng mặt trời, lắp đặt hệ thống cảm ứng điện từ, hệ thống tưới phân bón và tưới nước cho cây ăn quả; (ii) Hỗ trợ nông dân áp dụng kỹ thuật canh tác lúa tiên tiến (ví dụ 3 giảm 3 tăng, nông lộ phơi/tưới khô ướt xen kẽ) cho lúa thích ứng với biến đổi khí hậu trên diện tích 50 ha; (iii) Hỗ trợ nông dân về giống phân bón thực hiện VietGap, sản xuất hữu cơ cho lạc, rau, lúa với diện tích 60 ha; (iv) Tổ chức TOT về FFS cho cán bộ tỉnh, huyện với khoảng 30 người. Ít nhất có 25% là nữ (8 người); (v) Tổ chức FFS cho 180 nông dân với ít nhất 30% là nữ (54 người).

- ***Tiểu hợp phần 2: Hỗ trợ nông dân nâng cao khả năng tiếp cận với tín dụng vi mô, thị trường để tăng thu nhập nhờ được tham gia vào chuỗi giá trị:*** (i) Hỗ trợ nông dân nâng cao khả năng tiếp cận với tín dụng vi mô và thị trường để tăng thu nhập nhờ được tham gia vào chuỗi giá trị; (ii) Tăng cường năng lực cho 6 HTX/THT thông qua việc xây dựng thành lập/nâng cấp HTX/THT; (iii) Hỗ trợ xây dựng thương hiệu và truy xuất nguồn gốc cho dầu đậu phộng (lạc), dầu dừa, cây ăn quả (bưởi, quýt); (iv) Hỗ trợ đào tạo (01 lớp) cho 30 cán bộ huyện, xã về nền tảng đổi mới sáng tạo ứng phó với biến đổi khí hậu (CIP), kiến thức và kỹ năng đàm phán hợp đồng thương mại tiêu thụ sản phẩm, nữ chiếm ít nhất 25% (8 người); (v) Hỗ trợ đào tạo và vận hành phát triển sáng kiến đổi mới sáng tạo với sự tham gia của 180 nông dân, nữ chiếm ít nhất 30% (54 người).

- ***Tiểu hợp phần 3: Cùng phát triển các sản phẩm tư vấn về nông nghiệp - khí hậu địa phương cho nông dân nhằm cung cấp thông tin kịp thời và đáng tin cậy về khí hậu/thời tiết và sản xuất cây trồng:*** (i) Hỗ trợ Phòng Nông nghiệp và PTNT và Trạm khí tượng của 06 huyện xây dựng và thực hiện các chương trình truyền thông về thông tin về khí hậu - nông nghiệp, đồng thời tổ chức tuyên truyền nội dung này thông qua việc phát tờ rơi, poster và trên phương tiện thông tin đại chúng để mọi người dân có thể biết được và áp dụng vào sản xuất; (ii) Hỗ trợ cho 06 Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện và nông dân trong việc đồng phát triển, truyền thông bản tin khí hậu - nông vụ và thúc đẩy các dịch vụ tư vấn về nông nghiệp - khí hậu; (iii) Hỗ trợ kinh phí cho 06 nhóm chuyên môn phụ trách cùng phát triển các dịch vụ tư vấn về nông nghiệp - khí hậu và bản tin thời tiết mùa vụ theo mùa trong từ 10 - 15 ngày trong

suốt thời gian thực hiện dự án; (iv) Hỗ trợ đào tạo (01 lớp) cho cán bộ Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện và xã về cung cấp thông tin kịp thời và đáng tin cậy về khí hậu/thời tiết và sản xuất cây trồng cho 30 người, nữ chiếm ít nhất 25% (8 người); (v) Hỗ trợ đào tạo hướng dẫn (06 lớp) cho nông dân về đồng phát triển bản tin, cung cấp thông tin kịp thời và đáng tin cậy về khí hậu/thời tiết và sản xuất cây trồng cho khoảng 180 người, nữ chiếm ít nhất 30% (54 người). Hỗ trợ việc đồng xây dựng bản tin khí hậu nông vụ.

- Tiểu hợp phần 4: Thiết lập và hỗ trợ các cộng đồng/tổ chức dựa vào cộng đồng tại địa phương triển khai danh mục giải pháp đổi mới sáng tạo dựa vào tự nhiên: (i) Hỗ trợ phát triển và chia sẻ, nhân rộng 06 mô hình nông nghiệp công nghệ cao (mỗi huyện vùng dự án 1 mô hình) thông qua HTX; (ii) Hỗ trợ nông dân đường ống, vòi phun để nông dân lắp đặt hệ thống tưới phun mưa nhằm hiện đại hóa thủy lợi, tiết kiệm nước, nâng cao hiệu quả cây trồng trên diện tích khoảng 15 ha; (iii) Hỗ trợ lưới, màn che lưới cho nông dân để phòng tránh côn trùng cho rau trên diện tích khoảng 15 ha.

c) Hợp phần 3: Tăng cường khả năng thích ứng cho người dân ở các khu vực mục tiêu bằng cách xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội thích ứng tốt thông qua Dự án xây nhà ở và trạm y tế xã chống bão lụt.

Hợp phần này có 3 tiểu hợp phần

- Tiểu hợp phần 1: Thiết lập hồ sơ rủi ro và bản đồ các khu vực mục tiêu, đồng thời xác định đối tượng hưởng lợi

Tiểu hợp phần này sẽ dựa trên cách thức của dự án “Nâng cao khả năng phục hồi của các cộng đồng ven biển dễ bị tổn thương trước các tác động liên quan đến biến đổi khí hậu ở Việt Nam” do Quỹ Khí hậu xanh tài trợ thông qua UNDP, dự án này sẽ áp dụng Đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRA) để đánh giá các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu và thiên tai trong các khu vực mục tiêu. Đồng thời, vấn đề vật liệu nổ cũng là một gánh nặng được biết đến đối với tâm lý, kinh tế và xã hội của các khu vực bị ô nhiễm. Các hoạt động sẽ là một phần trong kế hoạch của địa phương cho những khu vực ưu tiên để có các biện pháp can thiệp giảm thiểu rủi ro về thiên tai cũng như giải phóng mặt bằng để thực hiện các can thiệp tăng cường khả năng phục hồi và phát triển cộng đồng.

Tiểu hợp phần này sẽ bao gồm hoạt động rà soát, đánh giá hiện trạng của các hộ dân theo tiêu chí được hỗ trợ nhà chống chịu bão lụt để lựa chọn ra 120 hộ dân được hỗ trợ xây dựng nhà chống chịu bão lụt. Đồng thời tiểu hợp phần này cũng thực hiện hoạt động đánh giá hiện trạng của các trạm y tế xã tại các xã/huyện mục tiêu của dự án để lựa chọn ra 20 trạm y tế xã được dự án hỗ trợ xây dựng trạm y tế chống chịu bão lụt, thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần cải thiện chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trong cộng đồng tại các khu vực mục tiêu của dự án. Các hoạt động sẽ được thực hiện với sự đảm bảo sự tham gia nhiều của phụ nữ và người khuyết tật.

- Tiểu hợp phần 2: Thiết kế và xây dựng nhà chống bão lụt ở các khu vực vùng dự án

Tiểu hợp phần này phân bổ cho tỉnh Bình Định 120 ngôi nhà dành cho đối tượng dễ bị tổn thương nhất, trong đó nhà có chủ hộ là nam giới tối đa 84 nhà và nhà có chủ hộ là nữ giới ít nhất 36 nhà. Tiến độ xây dựng nhà ở dự kiến như sau: năm thứ nhất (năm 2023) từ 01 đến 02 nhà, năm thứ hai (năm 2024) từ 60 đến 70 nhà, năm thứ ba (năm 2025) xây dựng hết số nhà còn lại.

- Tiểu hợp phần 3: Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa Trạm y tế xã chống bão, lụt và thích ứng biến đổi khí hậu (BĐKH) ở các khu vực trong vùng dự án

Tiểu Hợp phần này của Dự án bao gồm các hoạt động can thiệp chủ yếu: (i) Xây dựng mới đơn nguyên, nâng cấp, sửa chữa 20 Trạm y tế xã chống bão lụt ở các khu vực mục tiêu; (ii) Hỗ trợ thiết lập và vận hành khám bệnh, chữa bệnh từ xa; (iii) Hỗ trợ một số trang thiết bị, vật dụng cho việc đảm bảo dịch vụ khi xảy ra lũ lụt, thiên tai. Tiến độ xây mới đơn nguyên, nâng cấp, sửa chữa Trạm y tế xã dự kiến như sau: năm thứ nhất (năm 2023) từ 01 đến 02 trạm, năm thứ hai (năm 2024) từ 10 đến 15 trạm, năm thứ ba (năm 2025) xây dựng hết số trạm còn lại.

d) Hợp phần 4: Quản lý Dự án

Hợp phần này sẽ hỗ trợ việc quản lý Dự án một cách hiệu quả thông qua công tác giám sát và hỗ trợ thực hiện các hoạt động dự án. Hợp phần này sẽ cung cấp tài chính (chủ yếu bằng vốn đối ứng) cho chi phí hoạt động của Ban Quản lý dự án, chi phí hội nghị, hội thảo, tập huấn nghiệp vụ quản lý, thực hiện dự án, chi phí cho hoạt động giám sát, đánh giá và chi phí để thuê tuyển tư vấn hỗ trợ công tác triển khai Dự án.

9. Nhóm dự án: Nhóm B.

10. Địa điểm thực hiện:

Dự án sẽ được triển khai trên địa bàn 20 xã, tại 06 huyện, thị xã của tỉnh Bình Định, gồm: Huyện An Lão (xã An Toàn, An Trung, thị trấn An Lão); Thị xã Hoài Nhơn (xã Hoài Đức, Hoài Phú, Hoài Thanh, Hoài Thanh Tây); Huyện Hoài Ân (xã Ân Tường Đông, Đak Mang, Ân Phong); Huyện Tây Sơn (xã Tây Vinh, Tây Giang, Tây Xuân, Bình Nghi); Huyện Tuy Phước (xã Phước Thành); Huyện Vân Canh (xã Canh Liên, Canh Hiệp, Canh Hòa, Canh Vinh, thị trấn Vân Canh).

11. Thời gian thực hiện:

- Chuẩn bị đầu tư: Năm 2022 - 2023;
- Thực hiện dự án: Năm 2023 - 2026.

12. Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn dự án: 4.215.713 USD, tương đương 97,720 tỷ đồng. Trong đó: Vốn ODA viện trợ không hoàn lại của KOICA là 3.796.732 USD, tương đương 88,008 tỷ đồng; vốn đối ứng của tỉnh

là 418.982 USD, tương đương 9,712 tỷ đồng được phân bổ cho các hợp phần như sau:

- Hợp phần 1: Tăng cường an toàn cho người dân sống tại cộng đồng trong các khu vực mục tiêu là 469.515 USD, tương đương 10,883 tỷ đồng.

- Hợp phần 2: Tăng cường phát triển nông thôn bền vững thông qua công tác củng cố, nâng cao sinh kế và hạ tầng cho các đối tượng thụ hưởng dự án là 964.171 USD, tương đương 22,349 tỷ đồng.

- Hợp phần 3: Tăng cường khả năng thích ứng cho người dân ở các khu vực mục tiêu bằng cách xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội thích ứng tốt với biến đổi khí hậu thông qua dự án xây nhà ở và trạm y tế xã chống bão lụt là 1.719.471 USD, tương đương 39,857 tỷ đồng.

- Hợp phần 4: Quản lý dự án là 81.921 USD, tương đương 1,899 tỷ đồng.

Chi phí theo yêu cầu của KOICA và UNDP là 980.633 USD, tương đương 22,731 tỷ đồng.

(Tỷ giá quy đổi: 01 USD = 23.180 VND)

13. Cơ chế tài chính thực hiện:

Sau khi Dự án KVPVP tại tỉnh Bình Định được cấp thẩm quyền phê duyệt và UNDP phân bổ chính thức khoản vốn viện trợ, UBND tỉnh Bình Định sẽ phân bổ, sử dụng nguồn vốn viện trợ đúng mục tiêu, đối tượng được phê duyệt và phân bổ vốn đối ứng cho Dự án. Phương án sử dụng vốn Dự án như sau:

- Phương án sử dụng vốn ODA không hoàn lại của KOICA

Vốn ODA viện trợ không hoàn lại của KOICA được ngân sách Trung ương cấp phát toàn bộ và được sử dụng để: (i) Tài trợ 100% các nội dung của Hợp phần 1; (ii) 100% các nội dung của Hợp phần 2; (iii) 100% các nội dung đầu tư xây dựng cơ bản cho các trạm y tế, trang thiết bị, nhà ở chống bão lụt của Hợp phần 3 và (iv) 100% các chi phí theo yêu cầu của KOICA và UNDP.

- Phương án sử dụng vốn đối ứng của tỉnh

Vốn đối ứng được bố trí từ ngân sách của tỉnh và được sử dụng để: (i) Dự phòng vốn cho xây dựng cơ bản trạm y tế, nhà ở phòng chống lũ; (ii) Chi phí chuẩn bị đầu tư theo Nghị định số 0/2021/NĐ-CP của Chính phủ; (iii) Chi phí vận hành, quản lý dự án của Ban Quản lý dự án của tỉnh. Dự án dự kiến triển khai thực hiện trong giai đoạn 2022-2026, do vậy cơ chế tài chính đối với phần vốn đối ứng địa phương, UBND tỉnh Bình Định sẽ thực hiện theo quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn sau năm 2025.

II. Nội dung Kế hoạch tổng thể của dự án

Nội dung hoạt động dự án/ kế hoạch thực hiện dự án	Tổng cộng (Triệu đồng)	Trong đó:		
		Vốn ODA cấp phát (Viện trợ không hoàn lại)		Vốn đối ứng (Triệu đồng)
		USD	Quy đổi sang Triệu đồng	
Hợp phần 1: Cung cấp dịch vụ y tế toàn diện cho nạn nhân bom mìn sau tai nạn do vật liệu nổ	10.883	469.515	10.883	
Hợp phần 2: Nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu cho người dân ở các khu vực trong vùng Dự án	22.349	964.171	22.349	
Hợp phần 3: Tăng cường khả năng thích ứng cho người dân ở các khu vực mục tiêu bằng cách xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội thích ứng tốt với biến đổi khí hậu thông qua dự án xây nhà ở và trạm y tế xã chống bão lũ	39.857	1.382.412	32.044	7.813
Hợp phần 4: Chi phí quản lý dự án	1.898	00	00	1.898
Chi phí theo yêu cầu của KOICA và UNDP	22.731	980.633	22.731	
Tổng cộng:	97.720	4.215.713	88.008	9.712

(Có phụ lục kế hoạch tổng thể dự án kèm theo)

III. Nội dung Kế hoạch năm 2023

Nội dung hoạt động dự án/ kế hoạch thực hiện dự án	Tổng cộng (Triệu đồng)	Trong đó:		
		Vốn ODA cấp phát (Viện trợ không hoàn lại)		Vốn đối ứng (triệu đồng)
		USD	Quy đổi sang Triệu đồng	
Hợp phần 1: Cung cấp dịch vụ y tế toàn diện cho nạn nhân bom mìn sau tai nạn do vật liệu nổ	00	00	00	00

Nội dung hoạt động dự án/ kế hoạch thực hiện dự án	Tổng cộng (Triệu đồng)	Trong đó:		
		Vốn ODA cấp phát (Viện trợ không hoàn lại)		Vốn đối ứng (triệu đồng)
		USD	Quy đổi sang Triệu đồng	
Hợp phần 2: Nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu cho người dân ở các khu vực trong vùng Dự án	280	12.079	280	00
<i>Hoạt động:</i> Hỗ trợ nông dân triển khai, mở rộng và thực hành canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu	280	12.079	280	00
Hợp phần 3: Tăng cường khả năng thích ứng cho người dân ở các khu vực mục tiêu bằng cách xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội thích ứng tốt với biến đổi khí hậu thông qua dự án xây nhà ở và trạm y tế xã chống bão lũ	1.501,3	31.061	720	781,3
<i>Hoạt động:</i> Thiết kế và xây dựng nhà ở chống chịu bão, lụt ở các khu vực mục tiêu	200	8.628	200	00
<i>Hoạt động:</i> Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã (hạng mục phòng khám) chống bão, lũ và thích ứng biến đổi khí hậu ở các khu vực mục tiêu	1.301,3	22.433	520	781,3
Hợp phần 4: Chi phí quản lý dự án	189,9	00	00	189,9
Chi phí theo yêu cầu của KOICA và UNDP	200	8.628,1	200	00
Điều phối viên dự án tỉnh	84	3.624	84	00
Kế toán dự án/ Phiên dịch	72	3.106	72	00
Chi phí hoạt động của BQLDA (trang thiết bị, VPP, chi phí vận hành văn phòng)	44	1.898,2	44	00
Tổng cộng:	2.171,2	51.768,77	1.200	971,2

(Có phụ lục kế hoạch chi tiết năm 2023 kèm theo)

Điều 2. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Ban Quản lý dự án KVPVP tại tỉnh Bình Định triển khai thực hiện hoàn thành nhiệm vụ các hoạt động của Dự án đảm bảo đúng quy định; thực hiện chế độ báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện dự án theo quy định; đồng thời quản lý, sử dụng và thanh quyết toán chế độ tài chính theo đúng quy định hiện hành và thỏa thuận số: LOA-2023-Bình Định DPI-47 đã ký kết ngày 06/10/2023 với Chương trình phát triển Liên hiệp quốc.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Ban Quản lý dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện An Lão, Hoài Ân, Tây Sơn, Tuy Phước, Vân Canh, thị xã Hoài Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Ngoại vụ;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

vt



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục: Kế hoạch tổng thể - dự án KVPVP tại tỉnh Bình Định
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

Nội dung hợp phần dự án/ kế hoạch thực hiện dự án	Mã hoạt động của KOICA	Tổng số	Trong đó		Đơn vị thực hiện vốn viện trợ (ODA)		Ghi chú
			Tổng số vốn viện trợ (ODA)	Tổng số vốn đối ứng	UNDP và KOICA	Tỉnh Bình Định	
1	2	3	4	5	6	7	8
Hợp phần 1: Cung cấp dịch vụ y tế toàn diện cho nạn nhân bom mìn sau tai nạn do vật liệu nổ	1.2.3	10.883.357.700	10.883.357.700		2.176.671.540	8.706.686.160	
Hoạt động 1.2.3: Cung cấp dịch vụ hỗ trợ toàn diện cho những người sống sót sau tai nạn bom mìn	1.2.3	10.883.357.700	10.883.357.700		2.176.671.540	8.706.686.160	
Hợp phần 2: Nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu cho người dân ở các khu vực mục tiêu	2.1	22.349.499.519	22.349.499.519		6.423.986.519	15.925.513.000	
2.1.1: Hỗ trợ nông dân thực hiện và mở rộng quy mô và hệ thống cây trồng thích ứng với khí hậu	2.1.1	9.555.305.960	9.555.305.960		1.911.062.960	7.644.243.000	
2.1.2: Hỗ trợ nông dân tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng vi mô và thị trường, sau thu hoạch và tăng thu nhập từ việc tham gia vào chuỗi giá trị	2.1.2	2.388.838.080	2.388.838.080		477.768.080	1.911.070.000	
2.1.3: Phát triển và vận hành các tư vấn khí hậu nông nghiệp địa phương cho nông dân	2.1.3	3.185.094.260	3.185.094.260		637.017.260	2.548.077.000	
2.1.4: Thiết lập và hỗ trợ các cộng đồng/tổ chức dựa vào cộng đồng tại địa phương triển khai danh mục giải pháp đổi mới sáng tạo dựa vào thiên nhiên	2.1.4	4.777.652.980	4.777.652.980		955.529.980	3.822.123.000	
Các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật và đảm bảo chất lượng của UNDP		2.442.608.239	2.442.608.239		2.442.608.239	-	
Hợp phần 3: Tăng cường khả năng thích ứng cho người dân ở các khu vực vùng dự án bằng cách xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội thích ứng tốt thông qua dự án xây Nhà ở và Trạm y tế xã chống bão lụt.	2.2	39.857.357.704	32.044.311.077	7.813.046.627	7.884.311.077	24.160.000.000	
2.2.1: Thiết lập hồ sơ rủi ro và bản đồ của các khu vực mục tiêu và xác định người tượng hưởng lợi	2.2.1	3.168.706.000	3.168.706.000		3.008.706.000	160.000.000	
2.2.2: Thiết kế và xây dựng nhà chống bão lụt ở các khu vực mục tiêu	2.2.2	12.386.766.140	12.386.766.140		386.766.140	12.000.000.000	
2.2.3: Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các Trạm y tế xã chống bão, lụt và thích ứng với biến đổi khí hậu ở các khu vực vùng dự án	2.2.3	21.064.009.527	13.250.962.900	7.813.046.627	1.250.962.900	12.000.000.000	
Các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật và đảm bảo chất lượng của UNDP		3.237.876.032	3.237.876.032		3.237.876.037		
Hợp phần 4: Chi phí quản lý dự án	2.3	1.898.938.747		1.898.938.747			
Chi phí quản lý theo yêu cầu của KOICA và UNDP		22.731.087.543	22.731.087.543		19.632.857.543	3.098.230.000	
Một điều phối viên dự án cấp tỉnh	PMC	2.318.000.000	2.318.000.000		834.791.000	1.483.209.000	
Kê toán dự án/Phiên dịch	PMC	1.622.600.000	1.622.600.000		607.579.000	1.015.021.000	
01 chuyên gia Hàn Quốc trong lĩnh vực phát triển nông thôn	PMC	5.687.815.680	5.687.815.680		5.687.815.680	-	

Nội dung hợp phần dự án/ kế hoạch thực hiện dự án	Mã hoạt động của KOICA	Tổng số	Trong đó		Đơn vị thực hiện vốn viện trợ (ODA)		Ghi chú
			Tổng số vốn viện trợ (ODA)	Tổng số vốn đối ứng	UNDP và KOICA	Tỉnh Bình Định	
1	2	3	4	5	6	7	8
Chi phí khác (bao gồm cả đánh giá vi mô, kiểm toán, giám sát, đi lại, đánh giá đầu kỳ, cuối kỳ, IS..ETC..)	PMC	4.482.609.363	4.482.609.363		3.882.609.363	600.000.000	
Thuế LHQ	PMC	1.376.312.500	1.376.312.500		1.376.312.500	-	
Chi phí quản lý của KOICA	PMC	7.243.750.000	7.243.750.000		7.243.750.000	-	
Tổng cộng (ODA)+(Đối ứng) VNĐ		97.720.241.213	88.008.255.839	9.711.985.374	36.117.826.679	51.890.429.160	
Tương đương USD		4.215.714	3.796.732	418.981	1.558.146	2.238.586	-

Ghi chú:

* Đối với số vốn viện trợ không hoàn lại của nhà tài trợ là **88,008 tỷ đồng**, thì tỉnh Bình Định có trách nhiệm quản lý và thực hiện đối với nguồn vốn này là **51,890 tỷ đồng**. Số vốn còn lại do UNDP và KOICA quản lý thực hiện và chịu trách nhiệm.

* Tỷ giá lập kế hoạch áp dụng theo tỷ giá của Văn kiện dự án được phê duyệt là **1USD =23.180**

* Tỷ giá thanh toán thực tế sẽ được quy đổi ra VNĐ và áp dụng theo tỷ giá do UNDP công bố tại thời điểm cụ thể.

- Vốn ODA từ dự án KVPVP: **88.008.255.839 đồng** (tương đương khoảng: **3.796.732 USD**).

- Vốn đối ứng: **9.711.990.000 đồng**.

PHỤ LỤC: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH DỰ ÁN LÀNG HÒA BÌNH VIỆT NAM - HÀN QUỐC (KVPVP) TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

Nội dung Hợp phần dự án/ Kế hoạch thực hiện dự án	Mã hoạt động	Địa điểm thực hiện	Tổng cộng	Trong đó		Nguồn vốn thực hiện		Thời gian thực hiện dự kiến				Các đầu ra, kết quả dự kiến	Ghi chú
				Vốn viện trợ (ODA)	Vốn đối ứng	Vốn viện trợ (ODA)	Vốn đối ứng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
Hợp phần 1: Cung cấp dịch vụ y tế toàn diện cho nạn nhân bom mìn sau tai nạn do vật liệu nổ					-								
Hợp phần 2: Nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu cho người dân ở các khu vực mục tiêu			280.000.000	280.000.000	-	280.000.000							
2.1.1 Hỗ trợ nông dân triển khai, mở rộng và thực hành canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu	2.1.1		280.000.000	280.000.000	-	280.000.000						Kết quả đầu ra: Có 01 lớp FFS cho cán bộ tỉnh, huyện và nông dân với khoảng 30 người. Ít nhất có 30% là nữ được tham gia, góp phần nâng cao năng lực cho cán bộ và nông dân về trình độ và nhận thức trong sản xuất. Những người dân trong vùng dự án được hưởng trực tiếp từ việc hỗ trợ nông dân triển khai, mở rộng và thực hành canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu	
Tổ chức 01 lớp FFS cho cán bộ tỉnh, huyện và nông dân với khoảng 30 người. Ít nhất có 30% là nữ.	1.1.1.3	Tỉnh Bình Định	280.000.000	280.000.000		280.000.000					x		
Hợp phần 3: Tăng cường khả năng thích ứng cho người dân ở các khu vực vùng Dự án bằng cách xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội thích ứng tốt thông qua Dự án xây nhà ở và Trạm y tế xã chống bão lụt			720.000.000	720.000.000		720.000.000							
2.2.2 Thiết kế và xây dựng nhà ở chống chịu bão, lụt ở các khu vực mục tiêu	2.2.2	Tuy Phước, Hoài Ân	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000						Kết quả mong đợi: 02 nhà ở của nông dân (khoảng 08 người) được xây nhà/nâng cấp để phòng tránh bão lụt	
Hỗ trợ xây dựng nhà ở phòng tránh bão lụt cho 02 hộ hưởng lợi	2.2.2.2		200.000.000	200.000.000		200.000.000					x		
2.2.3. Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa trạm y tế (TYT) xã chống bão, lũ và thích ứng biến đổi khí hậu (BĐKH) ở các khu vực mục tiêu	2.2.3		520.000.000	520.000.000	-	520.000.000							
Xây dựng mới từ 01 đến 02 TYT xã chống bão, lũ và thích ứng với biến đổi khí hậu ở các khu vực vùng Dự án	2.2.3.1	Tuy Phước, Hoài Ân	400.000.000	400.000.000		400.000.000					x	Kết quả đầu ra: Từ 01 đến 02 TYT được xây dựng mới (đơn nguyên), cung cấp vật dụng cơ bản (pin năng lượng mặt trời, bể inox, hộp vận chuyển vắc xin,...) nhằm tăng cường năng lực thích ứng với BĐKH, để phục vụ cho khoản 100 người dân sinh sống tại các xã Dự án.	
Mua sắm một số trang thiết bị, vật dụng cho việc đảm bảo duy trì cung cấp dịch vụ khi xảy ra lũ lụt, thiên tai	2.2.3.1		120.000.000	120.000.000		120.000.000					x		
Hợp phần 4: Chi phí quản lý dự án			189.900.000		189.900.000		189.900.000						
Chi phí theo yêu cầu của KOICA và UNDP			200.000.000	200.000.000		200.000.000							
Điều phối viên dự án tỉnh	PMC		84.000.000			84.000.000					x		
Kế toán dự án/ Phiên dịch	PMC		72.000.000			72.000.000					x		
Chi phí hoạt động của BQLDA (trang thiết bị, văn phòng phẩm, chi phí vận hành văn phòng...)	PMC		44.000.000			44.000.000					x		
			1.389.900.000	1.200.000.000	189.900.000	1.200.000.000	189.900.000						

Ghi chú:

* Tỷ giá lập kế hoạch áp dụng theo tỷ giá của Văn kiện dự án được phê duyệt là **1 USD = 23.180 VND**

* Tỷ giá thanh toán thực tế sẽ được quy đổi ra VND và áp dụng theo tỷ giá do UNDP công bố tại thời điểm cụ thể.

- Vốn ODA từ dự án KVPVP: **1.200.000.000 đồng** (tương đương khoảng **51.768,76 USD**).

- Vốn đối ứng: **189.900.000 đồng**